

**Phụ lục 1**  
**ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH TRỒNG**  
**THÂM CANH CÂY QUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **5376** /QĐ-BNN-KHCN ngày **22** tháng **12** năm **2017**  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**I. PHẦN VẬT TƯ**

**1. Trồng mới**

*Đơn vị tính cho 01 ha*

Thời gian	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ	
				Miền núi khó khăn	Vùng Trung du
Năm thứ 1	Cây trồng mới	cây	4.000	4.000	4.000
	Cây trồng dặm (10%)	cây	400	400	400
	Phân NPK (0,2 kg/cây)	kg	800	800	400
Năm thứ 2	Phân NPK (0,2 kg/cây)	kg	800	800	400
Năm thứ 3	Phân NPK (0,2 kg/cây)	kg	800	800	400

**2. Thâm canh rừng quế**

*Đơn vị tính cho 01 ha*

Thời gian	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ	
				Miền núi khó khăn	Vùng Trung du
Năm thứ 1	Phân NPK (0,2 kg/cây)	kg	800	800	400
Năm thứ 2	Phân NPK (0,2 kg/cây)	kg	800	800	400
Năm thứ 3	Phân NPK (0,2 kg/cây)	kg	800	800	400

**II. PHẦN TRIỂN KHAI**

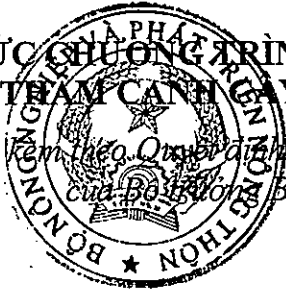
STT	Hạng mục	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
1	Tập huấn	Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày	Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày.	Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày.
2	Thông tin tuyên truyền	Xây dựng biển quảng cáo mô hình	Viết bài quảng bá mô hình.	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng

*thanh*

STT	Hạng mục	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
		hình		thông tin đại chúng
3	Tham quan, hội thảo, tổng kết.	Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần	Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần	Tổng kết, hội thảo 1 lần
4	Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 ha	9 tháng	6 tháng	4 tháng

*\*Yêu cầu kỹ thuật trồng và thâm canh cây quế áp dụng Tiêu chuẩn ngành số 04 TCN 23:2000 qui phạm kỹ thuật trồng Quế (Cinamomum Cassia BL) ban hành theo Quyết định số: 05/2000/QĐ-BNN/KHCN, ngày 25/01/2000; và Tiêu chuẩn ngành số 04 TCN 127 - 2006 qui trình kỹ thuật tía thua rừng quế (Cinnamomum Cassia Blume) trồng thuần loài đều tuổi, tiêu chuẩn ngành 04 TCN 1145 - 2006 ban hành theo Quyết định 4108 QĐ/BNN-KHCN ngày 29/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

*Cây giống phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng từ các rừng giống chuyển hoá hoặc từ các cây trội được công nhận và được quản lý theo chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính theo quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT*



**Phụ lục 2**

**ĐỊNH MỨC CHU TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH TRỒNG VÀ THÂM CANH CÂY TRÀM LÁ DÀI (*Melaleuca leucadendra* L.)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **5376** /QĐ-BNN-KHCN ngày **22** tháng **12** năm **2017** của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**I. PHẦN VẬT TƯ**

*Đơn vị tính cho 01 ha*

Thời gian	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ	
				Miền núi, vùng sâu biên giới hải đảo	Đồng bằng, bãi bồi, bãi ngang ven biển
Năm thứ 1	Cây trồng mới	cây	10.000	10.000	10.000
	Cây trồng dặm (10%)	cây	1.000	1.000	1.000
	Phân lân (300 kg/ha)	kg	300	300	150

**II. PHẦN TRIỂN KHAI**

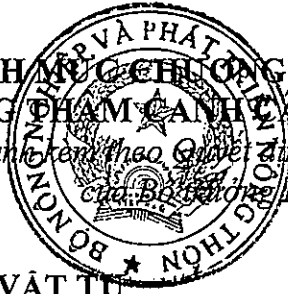
STT	Hạng mục	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
1	Tập huấn	Chuyên giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày	Chuyên giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày.	Chuyên giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày.
2	Thông tin tuyên truyền	Xây dựng biển quảng cáo mô hình	Viết bài quảng bá mô hình.	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
3	Tham quan, hội thảo, tổng kết.	Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần	Tham quan 1 lần, Sơ kết 1 lần	Tổng kết, hội thảo 1 lần
4	Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 ha	9 tháng	6 tháng	4 tháng

*\*Yêu cầu kỹ thuật trồng và thâm canh cây tràm lá dài áp dụng Tiêu chuẩn ngành số 04 TCN 145 – 2006 qui trình kỹ thuật trồng rừng Tràm lá dài (*Melaleuca leucadendra* L.) ban hành kèm theo Quyết định số 4108 QĐ/BNN-KHCN ngày 29/12/năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

*Cây giống phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng từ các rừng giống chuyển hoá hoặc từ các cây trội được công nhận và được quản lý theo chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính theo quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT*

*Thanh*

**Phụ lục 4**  
**ĐÌNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH**  
**TRỒNG CHĂM CÂY XUYÊN KHUNG (*Ligusticum wallichii* Franch)**  
*(Ban hành theo Quyết định số 5376 /QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*



**I. PHẦN VẬT TƯ**

*Đơn vị tính cho 01 ha*

TT	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ
1	Hom giống	Kg	500	Hỗ trợ 100% theo Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ
2	Hom giống trông dặm (5%)	Kg	25	
3	Urê	Kg	400	
4	Lân super	Kg	600	
5	Kali clorua	Kg	250	

**II. PHẦN TRIỂN KHAI**

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	Lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	Lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	Lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Ha	5	

*[Handwritten signature]*

**Phụ lục 5**  
**ĐÌNH MỘC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH**  
**TRỒNG PHẠM CÀNH CÂY TRẠCH TÁ** (*Alisma plantago - aquatica L var*  
*orientalis Samuels*)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5376 /QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 12 năm 2017  
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**I. PHẦN VẬT TƯ**

*Đơn vị tính cho 01 ha*

TT	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ
1	Giống	Cây	140,000	Hỗ trợ 100% theo Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ
2	Giống trồng dặm (5%)	Cây	7,000	
3	Urê	Kg	500	
4	Lân super	Kg	800	
5	Kali Clorua	Kg	300	

**II. PHẦN TRIỂN KHAI**

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	5	
2	Tập huấn kỹ thuật	Lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	Lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	Lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Ha	5	

*Đanh*

Phụ lục 6

**ĐÌNH MỤC CHỖ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH**  
**TRỒNG NIÊM CÀNH CÂY ĐƯƠNG QUY (*Angelica acutiloba* (Sieb.et.Zucc)**

*Kitagawa*)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5376/QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**I. PHẦN VẬT TƯ**

Đơn vị tính cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ
1	Giống	Cây	250,000	Hỗ trợ 100% theo Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ
2	Giống trồng dặm (5%)	Cây	12,500	
3	(hoặc) hạt giống	Kg	5	
4	Urê	Kg	550	
5	Lân super	Kg	800	
6	Kali Clorua	Kg	300	

**II. PHẦN TRIỂN KHAI**

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	Tháng	9	
2	Tập huấn kỹ thuật	Lần	2	1 ngày cho 1 lần tập huấn
3	Tham quan, hội thảo	Lần	1	1 ngày
4	Tổng kết	Lần	1	1 ngày
5	Cán bộ chỉ đạo phụ trách	Ha	5	

Thanh

Phụ lục 7

**ĐỊNH MỨC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG MÔ HÌNH**  
**TRỒNG TRẪM CÂY BA KÍCH (*Morinda officinalis* How)**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 5376/QĐ-BNN-KHCN ngày 22 tháng 12 năm 2017  
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



**I. PHẦN VẬT TƯ**

Đơn vị tính cho 01 ha

Thời gian	Hạng mục	Đơn vị tính	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ
Năm thứ 1	Giống	Cây	2,000	Hỗ trợ 100% theo Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ
	Giống trồng dặm (10%)	Cây	200	
	NPK (0,2 kg/cây)	Kg	400	
Năm thứ 2	NPK (0,2 kg/cây)	Kg	400	
Năm thứ 3	NPK (0,2 kg/cây)	Kg	400	

**II. PHẦN TRIỂN KHAI**

STT	Hạng mục	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
1	Tập huấn kỹ thuật	Chuyển giao kỹ thuật gây trồng 1 lần trong 2 ngày	Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bón phân 1 lần trong 2 ngày	Chuyển giao kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ 1 lần trong 2 ngày
2	Thông tin tuyên truyền	Xây dựng biển quảng cáo mô hình	Viết bài quảng bá mô hình	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng
3	Tham quan, hội thảo, tổng kết	Tham quan 1 lần, sơ kết 1 lần.	Sơ kết 1 lần	Tổng kết, hội thảo 1 lần
4	Cán bộ chỉ đạo 1 người/20 ha	9 tháng	6 tháng	4 tháng

*thanh*